

Phạm Xuân Hy

NÀO AI MẠC MẶT....

蒂埃漠麵

Xa nhà hơn hai tháng, rong chơi ở Cali, sáng nào tôi cũng dậy thật sớm làm tây ba lô, lang thang, thất thêu đi bộ một mình trên khắp những con đường bàn cờ của Little Saigon. Rồi chờ xe buýt ở ngã tư phố Bolsa, đổi xe đi ra biển, ngắm nắng sớm ban mai, nghe chim hải âu gọi nhau ì ào rộn sóng, lá lướt nô đùa... Đến trưa, thì lại bắt xe buýt trở vào thành phố, làm người rùng ngợ ngác xem cảnh sinh hoạt buôn bán của cộng đồng người Việt mình. Đói bụng, thì làm khúc bánh mì tay cầm, với một lon coca, hay ghé vào quán cơm chi. Năm đồng một bữa. Rẻ. Mà thật ngon. Còn sang một tí, thì vào Nguyễn Huệ đánh một tô phở gà, rồi ra hiên ngoài gặp lại một vài người bạn tiền kiếp, nhắc chuyện vãn câu năm xưa. Lúc nào mệt, thì kiếm một ghế trống trong những trung tâm thương mại lộng lẫy và sạch sẽ, ngả lưng mà thả hồn Trang Chu đuổi bướm.

Đã hơn bốn chục năm rồi, nay tuyệt đã bạc mái tóc kim sinh, mới lại được hưởng cái thú lang thang giang hồ vật này.

Nhưng gặp đúng thời kỳ nắng gắt, ngày nào cũng trên 30° độ C, thành thử người tôi cháy đỏ như con tôm luộc. Buổi tối về nhà ngủ, bật quạt đến tốc độ cao nhất mà vẫn đỏ mồ hôi nhễ nhại. Đâm ra thềm. Và nhớ. Nhớ cái hiu hắt se lạnh của những buổi sáng sớm Paris chớm vào thu, ra vườn hoa tập thể thao, nghe tiếng chim ngói gáy cục cu, dịu dàng và âu yếm như tiếng người tình nhân gọi nhau. Rồi cùng mấy ông bạn già tản bộ tán dóc văn nghệ văn gừng.

Hôm trở về nhà, thì nhận được thư của một người bạn, nhắc và hỏi lại hai chữ "mạc mặt 漠麵" trong Chinh Phụ Ngâm ở câu 99 và 100, là chữ Nôm hay chữ

Hán, tại sao lại là vẽ mặt treo lên Lăng Yên Các? Mạc 莫 có phải nghĩa là vẽ không?

Mấy câu hỏi khá lý thú và quyn dũ tôi.

Thế là tôi lại tiếp tục lên đường ngao du một lần nữa. Lần này thì ngao du tại gia. Trong những thư tịch và những từ điển cổ mà tôi có. Hy vọng, biết đâu chẳng tìm ra thêm một vài câu văn nào đó có hai chữ "mạc mặt 漠麵" với nghĩa là vẽ mặt, để trả lời cho câu hỏi lý thú này.

Dưới đây xin được phép trình bày về một số những thông tin mà tôi thu lượm được trong chuyến ngao du này.

A-Xuất xứ của chữ "mạc mặt"

Theo nguyên bản chữ Hán, trong Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, bản khắc *Trường Thịnh Đường* 長盛堂 khoảng năm 1910, người đọc thấy hai như sau:

征人貌誰丹青

死士魂誰哀弔

*Chinh nhân mạo thùi đan thanh
Tử sĩ hồn thùi ai điếu*

Đan thanh 丹青, tức chu sa hay đan sa có màu hồng, và thạch thanh một khoáng chất có màu xanh, là những nhan liệu ngày xưa người Trung Hoa thường dùng để vẽ trong nghệ thuật hội họa, nên có nghĩa là hội họa, là vẽ, là sử sách.

Bản khắc Chinh Phụ Ngâm *Trường Thịnh Đường*, bên dưới phần nguyên bản chữ Hán, có phần dịch chữ nôm, và hai câu chữ Hán trên đây đã được dịch ra chữ nôm như sau:

征夫死士買馱

蒂埃駟麵蒂埃噲魂

*Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai vẽ mặt nào ai gọi hồn.*

Như vậy, với bản khắc *Trường Thịnh Đường*, thì chữ "đan thanh 丹青" được dịch ra chữ nôm là "vẽ 麵".

Nghĩa thật rõ ràng, không có gì cần bãi cải thêm.

Tuy vậy, có một số bản nôm Chinh Phụ Ngâm khác, như các bản:

- *Chinh Phụ Ngâm Khúc* 征婦吟曲 của "Đại Học Thư Lâm 大學書林" in ở bên Nhật, (Do giáo sư Nguyễn Đình Hòa tặng tôi)

- *Tân San Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Từ Khúc* 新刊征婦吟演音徐曲, do nhà Chính Trực Đường khắc năm Gia Long Thập Tứ Niên Cốc Nguyệt Cát Nhật, tức năm át hợi 1815, sau khi Gia Long lên ngôi hoàng đế được 14 năm (Bản này được giáo sư Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung gọi là bản nôm Huế).

- *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* 征婦吟演哥, (Bản viết tay, không ghi ai viết, có nhiều chữ bị mất, chữ viết đã thảo, in trong Chinh Phụ Ngâm Khúc của Vân Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích, do nhà xuất bản Tân Việt in lần thứ năm).

Thì hai câu thơ chữ Hán trên đây lại được dịch nôm như sau:

征夫死士買馱

蒂埃漠麵蒂埃噲魂

*Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn.*

Theo bản *Tân San Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Từ Khúc* và bản "*Đại Học Thư Lâm*, cụm từ "mạc mặt" được viết như dưới đây :

漠 麵

Trong khi đó, bản *nôm viết tay* thì cụm từ "mạc mặt" lại được viết :

莫 麵

Cụm từ "mạc mặt" trên đây, được các tác giả thích ra quốc ngữ là "vẽ mặt". Ngoài ra, đồng với quan điểm giải thích này, trong bản "*Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*" in năm 1953, một tác phẩm giá trị và nghiên cứu công phu của giáo sư Hoàng Xuân, cũng giải thích "mạc" có nghĩa là "vẽ", nhưng tác giả lại chỉ in có bản chữ Hán, mà thiếu bản nôm mà tác giả đã xử dùng để phiên âm ra quốc ngữ, thành thử người đọc không được biết chữ "mạc" viết cách nào .

Nay nhân gặp dịp, tôi mới có cơ hội tìm hiểu thêm ý nghĩa của ba chữ 漠, 莫, và 麵 trên đây.

B-Tìm hiểu nghĩa của chữ 漠 (đọc mạc).

Mạc vừa là chữ Hán vừa là chữ Nôm.

a-Mạc 漠, là chữ Hán.

Trước hết chữ mạc 漠 là chữ Hán. Cuốn *Cổ Hán Ngữ Tự Điển* của nhà Thương Vụ Án Thư Quán, giải thích chữ mạc 漠 thuộc loại hình thanh tự, lấy hình phù là "thủy 氵" biểu thị những gì liên quan đến nước, hoặc như nước chảy, còn thanh phù là "mạc 莫".

Từ điển *Từ Nguyên* chỉ ra cách đọc chữ 漠 theo lối phiên thiết là "mộ các thiết, đặc vận"

Mạc 漠 có các nghĩa:

1-Nghĩa gốc của chữ "mạc 漠" là sa mạc, tức vùng đất có lưu sa, cát bay theo gió thổi, ở miền bắc Trung Quốc. Như Mạc Bắc là vùng sa mạc ở cao nguyên Mông Cổ

2-Mạc 漠 còn có nghĩa là mênh mông bao la. Như quảng mạc.

3-Mạc 漠 còn có nghĩa là lãnh đạm, không chú ý. Như trong thành ngữ "mạc bất quan tâm 漠不關心", hình dung thái độ lãnh đạm đối với người hay sự vật, không hề chú tâm đến một chút nào.

Chữ "mạc 漠" kết hợp với các chữ Hán khác tạo ra các cụm từ như :

lãnh mạc 冷漠,

hoang mạc 荒漠,

đạm mạc 淡漠,

quảng mạc 廣漠

lạc mạc 落漠,

mạc bắc 漠北

mạc bạc 漠泊....

b-Mạc 漠, là chữ Nôm.

Theo học giả Đào Duy Anh, trong các cách thức cấu tạo chữ Nôm, có cách được gọi là giả tá, tức mượn âm chữ Hán, đọc theo Hán Việt, để biểu hiện những từ Nôm đồng âm mà không đồng nghĩa.

Như chữ "tốt 卒" chữ Hán (*âm Hán Việt*) có nghĩa là binh lính, nôm thì lại có nghĩa là "tốt lành".

Cũng theo cách giả tá này, chữ Nôm mượn âm Hán của hai chữ mạc 漠 và mạc 莫 (đọc theo âm Hán Việt) biểu thị chữ Việt đồng âm mà không đồng nghĩa, như trong những cụm từ : *làng mạc, trận mạc, họ mạc, mộ mạc, mặt mạc, miếu mạc...* Chữ "mạc" trong các cụm từ nôm này vô thực nghĩa, chỉ đóng vai trò của một tiếp vĩ ngữ để nhấn mạnh âm đứng đằng trước nó, mà không mang một ý nghĩa nào cả..

2-Sau nữa, chữ "mạc 漠" đọc trại đi, để đọc là "mác", biểu thị âm "mác 漠", trong cụm từ "man mác 蠻漠", như trong Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu :

花 鱗 蛮 漠 別 羅 衛 兜

Hoa trôi man mác biết là về đâu

"Đúng ra trôi trong trôi chảy phải được viết bằng hai chữ *thủy + lôi = 氵 + 雷*".

Còn trôi 鱗 có nghĩa là cá trôi, chúng tôi mượn tạm để viết "

Cụm từ man mác được Đào Duy Anh giải thích là tản mạn, hìn dung có nhiều vật gì rải rác trên một không gian rộng, không tập trung)

C-Tìm hiểu nghĩa của chữ "莫" (đọc mạc)

Cũng như chữ "mạc 漠", chữ "mạc 莫" vừa là Hán vừa là Nôm.

a-Mạc 莫 là chữ Hán.

Theo Thực Dụng Trung Y Tự Điển 實用中醫字典 ấn hành năm 2001, thì chữ mạc "莫" là một chữ hội ý. Giáp cốt văn ghi chữ này thành ba phần. Phần trên cùng là chữ "thảo 艸", trung gian là chữ "nhật 日", bên dưới lại là chữ "thảo

艸",sau thay đổi dạng thành chữ "đại 大", mô tả trạng thái mặt trời lặn giữa đám cỏ cây.

Sách "Thuyết Văn Giải Tự" của Hứa Thận, đời Đông Hán, giải nghĩa chữ mạc 莫 là "日且暝也 nhật thả minh dã-Nghiã là ngày sắp tối,tức lúc mặt trời sắp lặn,vì thế, sau viết thành 暮,"đọc mộ".

Về cách đọc,Từ Nguyên chỉ cách đọc theo lối phiên thiết là : "mộ các thiết,đạc vận 慕各切鐸韻"

Ngoài nghĩa gốc ở trên,chữ "mạc 莫" còn có một số nghĩa khác như dưới đây:

-Không ai,không có gì,dùng làm phó từ.Như "Mạc danh kỳ diệu 莫名其妙-Không ai có thể nói được chỗ kỳ diệu ấy"

-Có nghĩa là không,dùng trong câu phủ định.Như "Ái mạc năng trợ 愛莫能助-Muốn giúp mà không giúp được.

-Có nghĩa là có lẽ là, ước chừng,biểu thị sự suy đoán.Như mạc phi 莫非

-Có nghĩa là họ Mạc.

-Có nghĩa là rất.Như "mạc đại 莫大-rất lớn"

-Có nghĩa là đừng,chớ, dùng trong câu khuyên ngăn,cấm đoán. Như "Mạc sảo tiền lộ vô tri kỷ 莫愁前路無知己 ĐỪNG có lo sau này không có người tri kỷ.

-Thông dụng với chữ mạc 瘼,莫

-Thông dụng như chữ 謨 (đọc mô),có nghĩa là mưu mô.

b-Mạc 莫,là chữ Nôm.

Cũng như trường hợp chữ "mạc 漠",Nôm mượn âm Hán Việt của chữ mạc 莫 này để ghi âm "mạc" trong các cụm từ như :

- làng mạc 廊 莫 (J.L Taberd)

- miếu mạc 庙 莫(J.L Taberd)

- họ mạc 户 莫 ... (J.L Tarberd)

-trận mạc 陣 莫

Ngoài ra mạc 莫 được đọc trại ra thành "mác" để biểu thị âm "mác" trong các cụm từ

"chéch mác 隻 莫,"có nghĩa là tản mạn ,buồn bực quá chừng (Pigneau de Béhaine)

"man mác 蠻 莫" có nghĩa là tản mạn,có nhiều lo toan (Pigneau de Béhaine).

D-Tìm hiểu nghĩa của chữ "糲" (đọc mặt)

Chữ "mặt 麵" là một âm thuần Việt, không phải là một chữ Hán, được cấu tạo theo lối hình thanh, bởi hai thành tố chữ Hán :末+ 面 = 麵 - (mặt + diện = mặt.)

1-Chữ Mặt 麵, theo các từ điển Việt Nam giải thích thì là phần trước của đầu, và gồm mắt, mũi, mồm. Như trong Truyện Kiều có câu :

麵 恹 想 麵 恹 嗽 嚙 恹

Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng

2-Nhưng người ta cũng dùng chữ mặt để chỉ những vật gì có hình dáng tròn và phẳng, như :

mặt trăng 麵 屨

mặt trời 麵 歪

mặt đất 麵 坦

mặt hồ 麵 湖.

3-Chỉ chiều hướng, như

- mặt phải mặt trái 麵 沛 麵 債.

4-Mặt còn là lượng từ, dùng để đếm. Như:

- *Chị tôi có bốn mặt con với anh ấy* 姊 碎 固 罌 麵 毘 貝 英 衣"

5-Tên một loại cây gọi là :

-cây mặt giăng 榉 麵 屨.

-cây mặt giò 榉 麵 歪.

6-Theo Vũ Văn Kính thì "mặt 麵", theo giả tá nôm còn đọc là mặt.

E- "Mặt" có nghĩa là "vẽ".

Sau hơn một tuần lễ "ngao du" trong đồng thư tịch Hán nôm và những tự điển rách nát, cũ kỹ của mình, nhưng vì khả năng hạn hẹp, và tài liệu ít ỏi, tôi chỉ lượm lặt được một số nghĩa có liên quan đến hai chữ 漠 và 莫 mà tôi đã mạn phép trình trên đây, chỉ tiếc rằng đã không tìm thêm được câu văn nào có chữ "mặt 莫" với nghĩa là vẽ, để giải đáp thỏa đáng cho câu hỏi quỵên rũ đã đặt ra.

Dẫu vậy, không thể vì thế mà khẳng định rằng hai chữ "mặt 莫 và 漠" không có nghĩa là "vẽ" được.

Thật ra, trong cuốn "Giúp đọc Nôm và Hán Việt", của Linh Mục Trần Văn Kiệm, một tác phẩm công phu và giá trị, người ta có thể tìm thấy hai chữ "mặt", viết là :

瘼 và 抹

được tác giả giải thích là vẽ, và nêu ra thí dụ :

Nào ai mặt nào ai gọi hôn.

Tiếc rằng tác giả không chua rõ chữ 瘼, và 抹, đã được trích từ bản nôm Chinh Phụ Ngâm năm nào.

Hai chữ mặc này cũng đều là chữ Hán đọc theo âm Hán Việt.

Chữ mặc 瘼, có nghĩa là sự khô sở, bệnh hoạn. Còn chữ mặc 抹, là một chữ thuộc loại đa âm tự, và ta quen đọc là mặt, có nghĩa xoa bôi, xoa bỏ, như mặt phấn 抹粉, mặt tường 抹牆.

Mà theo cách cấu tạo giả tá về chữ nôm, người ta có thể mượn âm Hán Việt của một chữ Hán, để tạo một chữ nôm đồng âm, nhưng vì không có qui định thống nhất phải dùng chữ Hán nào để có một chữ nôm tương ứng. Thành thử xảy ra tình trạng có một chữ nôm, cùng một âm, cùng một nghĩa, có thể được viết bằng nhiều chữ Hán khác nhau. Như trường hợp chữ "mặc" là vậy, khiến cho sau này hậu thế gặp nhiều khó khăn khi tìm nghĩa của một chữ nôm cổ đã không dùng nữa.

Đó cũng là trường hợp của cụm từ quen đọc là "**cổ lục**" ở câu thứ 7 của Truyện Kiều:

風情固錄群傳史撐

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.

Thật ra, trong các bản nôm Truyện Kiều được lưu hành rộng rãi như các bản:

1-Liễu Văn Đường

2-Văn Nguyên Đường.

3-Quảng Văn Đường

4-Phúc Văn Đường

5-Abel des Michels.

6-Thúy Kiều Truyện Tường Chú.

7-Kim Vân Kiều Chú.

Thì tám chữ trong câu 7 trên đây không hề có chữ nào đọc là cổ 古 cả, còn hai chữ người ta quen đọc là "**cổ lục**" này đều khác bằng hai chữ Hán là "**cổ lục 固錄**".

Chữ 固 âm Hán Việt đọc là **cố** (*cố định, cố thể*), nôm đọc là **có** (*có vợ có con, có khi có lúc*).

Chữ 錄 âm Hán Việt đọc là **lục** (*mục lục, sao lục*)

Theo bản Kiều phiên âm lần đầu tiên ra quốc ngữ năm 1875 của học giả Trương Vĩnh Ký thì câu số 7 này đã được phiên âm là :

Phong tình có lúc còn truyền sử xanh

Đọc là "**có lúc**", sẽ hợp với văn cảnh hơn. (*Truyện "phong tình" tức truyện trai gái yêu đương, cũng có lúc được ghi vào sử xanh*).

Âm "**lúc**" của tiếng Việt, thường được viết theo cách giả tá bằng chữ Hán là **lục** 六, thì cũng có thể viết bằng một chữ Hán khác cũng âm là **lục** 錄.

Tuy vậy, tôi không thể khẳng định rằng "**có lúc**" là hoàn toàn đúng, và "**cổ lục**" là hoàn toàn sai, vì gần đây có hai bản nôm Truyện Kiều viết tay mới được tìm

thấy, một của Lâm Nọa Phu (*chép năm 1870*) và một của Tăng Hữu Ứng (*chép năm 1874*), cho biết là hai chữ quen đọc đó viết là "cổ lục 古錄".

Như thế, đứng về văn bản học, bản chép tay của Lâm Nọa Phu ra đời sau bản Liễu Văn Đường – Nghệ An bốn năm, chúng ta sẽ phải chọn lựa văn bản nào trong hai văn bản trên đây để làm tiêu chuẩn nghiên cứu ?

Vậy xin ghi ra đây để tồn nghi.

Ngoài ra, trong các từ điển của Gustave Hue, của Eugène Gouin, ... người ta có thể tìm được những chữ "mạc" với nghĩa là "peindre" (vẽ), nhưng viết một cách khác.

Gustave Hue thì viết là :

貌

Còn Eugène Gouin là :

貌

Cả hai chữ trên đây đều là chữ Hán, âm Hán Việt đọc là "mạo" có nghĩa là diện mạo 面貌. Tôi không rõ hai chữ mạo trên đây tại sao lại được đọc là mạc? Phải chăng những chữ này cũng thuộc loại đa âm tự và có một âm là mạc chẳng.

D- Mạc mặt và Lăng Yên Các.

Mạc mặt có nghĩa là vẽ hình mặt.

Ở nguyên bản chữ Hán của Chinh Phụ Ngâm câu 447 ghi :

凌煙閣兮秦叔寶

Lăng yên các hệ Tần Thúc Bảo

Lăng Yên Các là tên một điện các nằm trong Thái Cực Cung ở kinh đô Trường An đời Đường. Sách "Cựu Đường Thư-Thái Tông Ký", ghi rằng vào tháng hai năm Trinh Quan thập thất niên, tức năm 643, Đường Thái Tông Lý Thế Dân, người đã có công tạo dựng lên một đế quốc cường thịnh, rộng lớn bậc nhất lịch sử Trung Quốc vào thế kỷ thứ 6, tức vương triều nhà Đường, từng sai họa sĩ tài danh đương thời là Dương Lập Bản vẽ hình hai mươi bốn vị công thần theo phò Lý Thế Dân, như Trương Tôn Vô Kỵ, Đỗ Như Hối, Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim... đem treo ở Lăng Yên Các để ghi nhớ công lao của họ.

Tần Thúc Bảo là một tướng lãnh đời sơ Đường, tên thật là Quỳnh, tự là Thúc Bảo, người Tề Châu Lịch Thành. Cuối đời nhà Tùy, Tần Thúc Bảo theo Trương Tu Đà trấn áp các cuộc nổi dậy của Lý Mật và Lu Minh Nguyệt. Sau khi Trương Tu Đà chết, Tần Thúc Bảo lại theo về với Lý Mật, được Mật dùng làm Trưởng Nội Phiêu Kỵ. Sau khi Lý Mật bị bại trận, Tần Thúc Bảo bị Vương Thế Sung bắt, ít lâu sau thì hàng Đường, theo Lý Thế Dân, được Lý Thế Dân dùng làm Mã Quân Tổng Quản, đánh bại được Tống Kim Cương, Vương Thế Sung, rồi trấn áp được các cuộc nổi dậy của Đậu Kiến Đức và Lưu Hắc Đạt, làm quan đến chức Tả Võ Vệ Đại Tướng Quân.

Tần Thúc Bảo còn được người Tàu tôn thờ là Môn Thần, thần canh giữ cửa, khu tà và trừ ác. Người ta thường thấy tượng của ông cùng với tượng của Uất Trì

Kính Đức đứng trấn giữ ở ngoài cửa đền đài, lâu các và thường được mệnh danh là "Môn Thần Nhị Tướng Quân". Nguyên có giai thoại về Tần Thúc Bảo, kể rằng :

"Đường Thái Tôn Lý Thế Dân, ban đêm không ngủ được, thường nghe tiếng gạch ngói ném trên nóc nhà, tiếng ma quỷ gào thét, thì lấy làm sợ, mới đem truyện hỏi các đại thần, thì Tần Thúc Bảo xuất ban tâu:

-Thần bình sinh giết người như cắt cỏ, thây tích nhiều như kiến, lẽ nào lại sợ ma quỷ? Xin bệ hạ cho thần cùng với Kính Đức mang khí giới đứng canh ngoài cửa. Đường Thái Tôn chuẩn tâu. Qua nhiên ban đêm không còn nghe tiếng quỷ hú nữa. Đường Thái Tôn lấy làm mừng, bèn sai họa công vẽ hình Tần Thúc Bảo và Uất Trì Cung treo ở hai bên tả hữu ngoài cửa cung điện. Và đích thân Đường Thái Tôn viết hai câu đối ca tụng:

雙 銅 打 出 唐 世 界

單 鞭 撐 住 李 乾 坤

Song đồng đã xuất Đường thế giới

Đơn tiên sanh拄 Lý Càn khôn.

Riêng tôi, hồi bé ham đọc truyện Tàu, trong chiến tranh thường trốn mẹ tôi sang làng Lương Đường, quê cụ Phạm Quỳnh, mượn người quen cuốn Thuyết Đường in bằng giấy gió về đọc.

Trong truyện kể Tần Thúc Bảo có xước hiệu là "Trại Chuyên Chu", nhà nghèo, mồ côi cha, làm chân bổ khoái ở huyện Lịch Thành, có ngón đòn Kim Gian tỏ truyền thần sấu quỷ khốc, nặng một trăm ba mươi cân, lợi hại không thua gì ngón hồi mã thương của La Thành, lấy đầu địch nhân nhanh như lấy khăn trong túi. Tần Thúc Bảo từng sáp huyết ăn thề kết giao với bọn lục lâm hào kiệt, trừ gian diệt ác, cứu khốn phò nguy, như Trình Giảo Kim, Từ Mậu Công, Lý Tích, Ngụy Trung rồi cùng họ phò giúp Lý Thế Dân dựng lên nghiệp đế, lưu danh muôn thuở. Nhiều chi tiết trong truyện tôi đã quên, nhưng còn nhớ mãi cảnh tác giả mô tả Tần Thúc Bảo khẳng khái, không sợ liên lụy, chuốc rượu tế sòng người bạn kết nghĩa là Đan Hùng Tín, để đưa tiền Tín lên đoạn đầu đài, mà trong tuồng Tàu thường có vở gọi là "Tống Tửu Đan Hùng Tín"

Rất là bi tráng và cảm động.

Nhân đây, tôi cũng đông dài mua vui, xin lược dịch đoạn tiểu thuyết này, ôn lại đôi chút kỷ niệm mê đọc truyện Tàu thời thơ ấu của tôi, như sau này người ta mê truyện chường của Kim Dung vậy.

Anh đọc mua vui.

".....Lại nói lúc bấy giờ Đan Hùng Tín đang bị giam ở trong ngục thất, thấy Vương Thế Sung bị dẫn đi rồi thì biết rằng mình đã bị kết vào tội chết, trong lòng buồn buồn không vui. Chợt thấy, Trình Giảo Kim từ ngoài sai người bưng một mâm rượu thịt đi vào, lòng càng tin đến ba bốn phần.

Trình Giảo Kim mời Đan Hùng Tín ngồi xuống, rồi nói :

-Chiều qua, đệ và Tần nhị ca muốn vào thăm đại ca, nhưng không rảnh rồi, nên đi không được. Hùng Tín nói :

-Đêm qua cũng may đệ có Đậu Kiến Đức đến đây trò truyện.

Trình Giảo Kim thở dài, nói :

-Đệ nghĩ lại, không như cái thời kỳ ở Sơn Đông, anh em mình tụ họp nhau ăn uống nói năng thả cửa, tự làm chủ mình, nay còn độ bảy tám người thì bảy nổi ba chìm, chẳng ai dám đã động gì đến pháp độ tốt, xấu của nhà vua, há chẳng đáng buồn sao ?

Nói xong, nhìn Đan Hùng Tín, bắt giặc trèo hai hàng lệ.

Thấy thế Đan Hùng Tín lại càng tin đến năm sáu phần, nhưng im lặng không nói năng gì, chỉ tợp mấy hớp rượu. Chợt thấy Tần Thúc Bảo ở ngoài bước vào nói:

-Trình huynh, đệ dạn trước huynh vào mời rượu Đan nhị ca, nay sao lại ngồi im lặng thế này ?

Đan Hùng Tín nói :

-Nhị vị đại huynh đều có công vụ bận bịu, vào thăm đệ làm chi cho vất vả ?

Tần Thúc Bảo nói :

-Đan nhị ca nói thế không đúng, nhân sinh ở đời gặp nhau một khắc cũng thật là khó. Việc của huynh, chỉ tiếc là anh em không đem thân ra để thay thế huynh được, nếu thay được thì tiếc chi cái thân này.

Nói xong, rót một ly rượu lớn thật đầy, hai tay dâng lên cho Đan Hùng Tín. Rồi nước mắt dàn dụa hai hàng. Lúc này thì Đan Hùng Tín đã đoán được đến bảy tám phần. Rồi lại thấy Từ Mậu Công hỗn hển bước vào ngồi.

Trình Giáo Kim nhìn Từ Mậu Công, hỏi:

-Làm sao bây giờ ?

Từ Mậu Công chỉ lắc đầu, không nói, rồi vội vã đứng dậy kính cẩn rót hai chén rượu lớn dâng lên cho Đan Hùng Tín, thì nghe bên ngoài có nhiều tiếng chân người đi lại sột sạt.

Đan Hùng Tín đã đoán ra được cả mười phần, bèn vuốt râu cười ha hả thật lớn, nói với ba người :

-Cám ơn ba vị đại ca đã có lòng tốt. Mau đem cái bát lớn lại đây, đệ xin uống ba bát, ba huynh uống chén. Hôm nay uống với chư huynh, ngày mai xuống tuyên đài tìm Huyền Thủy và Bá Dương uống tiếp.

Tần Thúc Bảo nói :

-Nhị ca nói vậy là sai rồi !

Đan Hùng Tín nói:

-Tam vị đại huynh bắt tất phải dẫu diêm đệ làm chi. Việc của đệ, đệ đã sớm biết là mắc phải tử tội. Tam huynh hãy nhìn mặt đệ xem, có phải là đũa sọt chết không? Từ ngày rời khỏi Nhị Hiền Trang, đệ đâu có mong chi "đầu liền cổ"!

Bọn Tần Thúc Bảo cả ba người cuống hống nghẹn ngào u uất, cạn không hết nổi chén rượu, nhưng Đan Hùng Tín đã uống hết bốn năm bát lớn. Lúc đó đám lính gác tù có nhiều đứa đã đẩy cửa bước vào trong ngục thất, đứng chờ đợi trước mặt. Còn vài tên đầu quần khăn đỏ đứng ở ngoài cửa, đưa đầu nhìn ngó vào trong..

Đan Hùng Tín nhìn chúng, rồi lên tiếng hỏi:

-Bọn người tất cả đều chờ ta phải không ?

Bọn chúng đều quỳ xuống, đáp :

-Thưa vâng.

Đan Hùng Tín lại quay ra bảo với bọn Tần Thúc Bảo :

-Xin tam huynh hãy đi lo liệu việc mình, để đệ lo việc đệ.

Tần Thúc Bảo, Từ Mậu Công và Trình Giáo Kim cả ba đều sụt sùi xúc động.

Đan Hùng Tín ngăn lại, nói:

-Đại trượng phu "thị tử như qui", xin tam huynh bắt tất ủy mị như đàn bà thế này, người đời chê cười cho.

Tần Thúc Bảo gọi một tên đao thủ đến dặn dò:

-Đan đại gia không giống như người thường, các người phải phục dịch cho kỹ lưỡng.

Bọn đao phủ, đều ứng thanh đáp:

-Xin tuân lệnh.

Từ Mậu Công nói với Tần Thúc Bảo :

-Tần huynh, anh em mình hãy đến pháp trường trước, bảo họ sắp xếp cho thỏa đáng.

Tần Thúc Bảo đáp :

-Huynh nói phải đây.

Trình Giáo Kim báo với Tần Thúc Bảo và Từ Mậu Công :

-Nhiệm vụ đại huynh cứ đi trước đi, đệ đi theo Đan nhị ca.

Tần Thúc Bảo và Từ Mậu Công đều nuốt lệ rời khỏi ngục thất, leo lên ngựa chạy đến pháp trường. Tới nơi, chỉ thấy bọn Đoàn Đạt cả ngàn người đã bị chém đầu, thấy còn nằm ngổn ngang trên mặt đất. Còn quây hai cái rạp. Một cái có trang hoàng kết giây đỏ. Còn một cái thì không. Cái có kết giây đỏ dành riêng cho viên quan giám hình đứng chờ. Từ Mậu Công sai thủ hạ trợn một chỗ sạch sẽ tươm tất. Tần Thúc Bảo thì sai bộc nhân mang tám chiếu mà ngày trước Đan Hùng Tín đã tặng cho ở Lô Châu ra trải xuống đất.

Lúc đó mẹ Tần Thúc Bảo là Tần Thái Phu Nhân và con dâu là Trương thị, được Đơn Toàn cho biết tin tức, trong lòng cảm thấy không yên, nên cùng Trương thị đi theo với gia quyến của Đan Hùng Tín. Tần Thúc Bảo sắp xếp cho họ ngồi ở trong lều. Chỉ thấy Đan Hùng Tín không xiềng xích, không trói buộc chi cả, nắm tay Trình Giáo Kim bước thẳng tới. Bên trong lều bỗng nghe có tiếng khóc rống lên.

Tần Thái Phu Nhân bảo người gọi Tần Thúc Bảo tới, thì thấy Trình Giáo Kim đến, bà bảo với Trình Giáo Kim rằng :

-Đan viên ngoại là người có nghĩa có tình, đầu ngõ hôm nay lại đến nỗi này, lão muốn được đến trước mặt Đan viên ngoại lấy sống một lấy, để tỏ rằng dù là đàn bà, nhưng lão không phải là tuồng vong ân phụ nghĩa.

Tần Thúc Bảo thưa :

-Mẹ tuổi đã cao, đến tiền đưa thế này, cũng là tỏ cái tình rồi, chứ đến pháp trường nhìn cái cảnh thế thảm làm gì?

Tần Thái Phu Nhân nói :

-Năm xưa ở Lô Châu, con gặp bệnh nặng, lại liên lụy việc quan, nếu chẳng có Đan viên ngoại cứu giúp thì làm gì có ngày nay?

Trình Giáo Kim xen vào, đỡ lời:

-Tần huynh, nếu bá mẫu đã muốn như thế, thì xin cứ chiều ý theo bá mẫu.

Rồi chạy như bay đến nói với Đan Hùng Tín.

Tất cả gồm Tần Thái Phu Nhân, vợ Tần Thúc Bảo, và gia quyến Đan Hùng Tín đều cùng nhau đến pháp trường gặp Đan Hùng Tín.

Tần Thúc Bảo phò mẹ đến trước mặt Đan Hùng Tín, Tần Thái Phu Nhân nước mắt rơi lã chã nói:

-Đan viên ngoại là người có ân có nghĩa, cầu mong viên ngoại sớm được thăng thiên.

Nói xong lập tức cùng vợ Tần Thúc Bảo quỳ phục xuống đất lấy Đan Hùng Tín. Đan Hùng Tín cùng người con gái đứng bên cạnh tên là Ái Liên cũng vội vã quỳ xuống lễ trả lại. Lễ xong, hai mẹ con Ái Liên ôm lấy Đan Hùng Tín, gào khóc thảm thiết, khiến cho chẳng những Tần Thúc Bảo, Từ Mậu Công, Trình Giáo Kim đều bị xúc động đau đớn nặng nề, mà ngay cả đám bách tính, và quân hiệu không ai là không rơi lệ.

Đan Hùng Tín nói với Tần Thúc Bảo :

-Tần đại ca, xin phiền huynh cho người đưa bá mẫu, cùng tẩu tẩu, và vợ con gia quyến đệ ra về, bớt cho đệ cảnh nào lòng bối rối.

Tần Thái Phu Nhân nghe nói thế thì vội vã gọi đám bộc tòng phụ nữ dìu Đan Phu Nhân và Ái Liên ra xe đi về.

Tần Thúc Bảo lại sai người đem ra một cái lò lửa, rồi cùng các anh hùng kết nghĩa ngày xưa, lấy dao đeo ở bên sườn, luân phiên cắt bắp vế của mình, đưa lên bếp nướng, dâng lên cho Đan Hùng Tín ăn, và nói:

-Anh em mình đã từng sấp huyết ăn thề, đồng sinh đồng tử, nay không thể cùng theo huynh được, giả như sau này nuốt lời thề cũ, không trông nom đến gia quyến của Đan huynh, thì sẽ bị cắt xẻo, thiêu đốt như những miếng thịt này.

Đan Hùng Tín không từ chối, lần lượt ăn hết từng miếng.

Tần Thúc Bảo vừa khóc vừa gọi con trai là Tần Hoài Ngọc đến :

-Con hãy lấy nhạc phụ đi !

Tần Hoài Ngọc vâng lời cha, cung kính hướng Đan Hùng Tín lấy bốn lấy.

Đan Hùng Tín dương to đôi mắt nhìn Tần Hoài Ngọc, rồi lớn tiếng cười ha hả:

-Thật là sáng khoái! Đáng là con rể của ta. Thôi ta đi nhé. Đao thủ đầu, hãy mau động thủ đi.

Rồi vươn cổ lên cho đao thủ chém.

Mọi người đều khóc rống lên.

.....

(Dịch từ Tuy Đường Diễn Nghĩa đề tác giả là La Quán Trung do nhà xuất bản Minh Lương Thư Cục 明亮 ở Hương Cảng ấn hành-Có thể nhà in này đã ghi nhầm tên tác giả truyện Tuy Đường Diễn Nghĩa, các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc cho rằng tác giả của Tuy Đường Diễn Nghĩa là Trử Nhân Hoạch 褚人獲) .

Ngoài ra, Tần Thúc Bảo còn được người Tàu hành nghề bô khoái ,tức nghề bắt trộm cướp,tôn làm tổ sư.Trong nhà những người hành nghề này,thường thấy treo hình thờ Tần Thúc Bảo.

Về sau,trong thơ văn cổ điển, thường dùng điển tích "tranh treo gác khói" để nói lên sự ghi nhớ công nghiệp,danh lưu sử sách của các danh tướng.

Như Đỗ Mục từng có câu thơ :

功名待記凌煙閣

力盡遼城不肯回

Công danh dài kỷ Lãng Yên Các

Lực tận Liêu Thành bất kháng hồi

(Công lao đời ghi vào Lãng Yên Các,xin tận lực ở Liêu Thành, không chịu trở về)

Còn ở nguyên bản chữ Hán của Chinh Phụ Ngâm câu 447-448 ghi :

凌煙閣兮秦叔寶

麒麟臺兮霍嫫姚

Lãng yên các hệ Tần Thúc Bảo

Kỳ lân đài hệ Hoắc Phiêu Diêu

và được nữ sĩ Đoàn Thị Điểm diễn nôm một cách tài tình:

Tài so Tần ,Hoắc vẹn tuyền

Tên ghi gác khói,tượng truyền Đài Lân.

才躡秦 霍院全

魁記閣 焯像傳臺麟

Trong thơ văn cổ điển Trung Quốc,người ta còn gặp một địa danh khác có tên là Lãng Yên Lâu 凌湮樓 ,nằm ở thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây bây giờ,do Lâm Xuyên Vương Lưu Nghĩa Khánh cất khi ông làm Thứ Sử Giang Châu,và Lý Bạch đã có thời du ngoạn đến đó,nên mới có câu thơ :

朝別凌煙樓

暝投永華寺

Triều biệt Lăng Yên Lâu

Minh đầu Vĩnh Hoa Tự.

(Sáng biệt lầu Lăng Yên, tôi vào chùa Vĩnh Hoa)

Cuộc ngao du với sách vở đến đây, tôi cũng cảm thấy mệt mỏi rồi, dù biết rằng còn nhiều chỗ bất cập và thiếu sót, câu văn có chỗ không được mạch lạc khúc triết. Nhưng thôi thì, tâm tình với nhau, ta cần gì phải màu mỡ riêu cua, để làm vản đục cái tình bạn cầu nhục chi giao của mình đi. Đành hẹn với anh, để khi tìm được thêm những gì mới thì sẽ bàn lại tiếp.

Cám ơn anh đã cho mượn mấy cuốn sách nhà.

Thân.

Phạm Xuân Hy

(20-9-2006 17h15)